

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG
THPT THANH HÀ
LỚP: 11M
GVCN: Nguyễn Thị Kim Liên

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Đoàn Linh Chi	HK1	5.7 ²⁵	7.9 ⁹	6.7 ¹⁷	7.1 ¹⁵	6.6 ²¹	7.7 ³	7.5 ¹⁸	8.3 ²	6.7 ¹²	6.9 ⁹	8.4 ⁷	Đ			7.2 ¹⁰	0 0	K	T	TT	
2	Vũ Bá Chiến	HK1	7.1 ⁷	8.3 ⁶	8.1 ⁷	8.9 ¹	7.3 ⁸	6.9 ²¹	7.4 ²⁰	8.1 ⁴	6.4 ¹⁹	7.0 ⁷	7.6 ²⁰	Đ			7.6 ⁵	1 0	K	T	TT	
3	Trần Đức Chiến	HK1	5.9 ²³	7.1 ¹⁹	6.1 ²²	5.1 ³⁰	6.0 ³⁰	5.9 ³²	5.0 ³²	7.3 ²³	6.0 ²⁷	6.1 ²⁴	8.8 ⁵	Đ			6.3 ³⁰	0 0	Tb	T		
4	Trần Đức Chương	HK1	6.1 ²¹	7.0 ²¹	5.8 ²⁷	7.2 ¹²	6.6 ²¹	6.8 ²⁷	6.5 ²⁷	8.1 ⁴	7.4 ³	3.4 ³¹	7.0 ²⁶	Đ			6.5 ²⁷	0 0	Tb	K		
5	Đoàn Văn Chương	HK1	4.9 ³¹	6.8 ²⁵	6.0 ²³	7.1 ¹⁵	7.4 ⁷	6.9 ²¹	7.0 ²²	6.4 ³²	6.7 ¹²	7.0 ⁷	8.1 ¹³	Đ			6.8 ²²	0 0	Tb	K		
6	Vũ Văn Cường	HK1	6.5 ¹⁵	7.2 ¹⁸	6.2 ²¹	7.3 ¹⁰	7.0 ¹²	7.1 ¹⁴	7.9 ⁷	7.2 ²⁴	7.3 ⁴	6.6 ¹³	8.3 ¹⁰	Đ			7.1 ¹³	1 0	K	T	TT	
7	Đặng Văn Diệp	HK1	8.1 ²	9.0 ²	9.3 ¹	7.2 ¹²	6.7 ¹⁹	7.4 ¹⁰	7.9 ⁷	7.9 ¹⁰	6.3 ²⁰	6.3 ²⁰	8.0 ¹⁵	Đ			7.6 ⁵	0 0	K	T	TT	
8	Trần Hữu Đông	HK1	7.0 ¹⁰	8.0 ⁸	6.0 ²³	6.4 ²³	6.0 ³⁰	6.9 ²¹	6.8 ²⁵	6.9 ³¹	5.1 ³²	6.4 ¹⁸	6.6 ³⁰	Đ			6.6 ²⁴	0 0	K	K	TT	
9	Hoàng Thị Hiền	HK1	5.7 ²⁵	7.3 ¹⁶	7.1 ¹⁴	7.3 ¹⁰	6.6 ²¹	6.8 ²⁷	5.4 ³¹	7.6 ¹⁷	6.2 ²⁴	3.4 ³¹	6.9 ²⁷	Đ			6.4 ²⁹	0 0	Y	K		
10	Đỗ Minh Hiếu	HK1	8.7 ¹	9.2 ¹	8.8 ²	8.7 ²	8.1 ¹	7.6 ⁴	8.6 ¹	8.1 ⁴	6.7 ¹²	7.4 ²	9.1 ²	Đ			8.3 ¹	0 0	G	T	GIOI	
11	Đoàn Huy Hoàng	HK1	6.1 ²¹	5.9 ³²	6.4 ¹⁹	6.9 ¹⁸	5.8 ³²	6.9 ²¹	6.2 ²⁹	7.1 ²⁶	6.0 ²⁷	6.3 ²⁰	7.9 ¹⁶	Đ			6.5 ²⁷	1 0	K	K	TT	
12	Vân Thủy Hường	HK1	7.0 ¹⁰	8.4 ⁵	8.1 ⁷	6.9 ¹⁸	6.8 ¹⁷	7.1 ¹⁴	8.4 ⁵	7.8 ¹³	6.3 ²⁰	7.4 ²	9.0 ³	Đ			7.6 ⁵	0 0	K	T	TT	
13	Bùi Thị Lan	HK1	6.8 ¹²	8.1 ⁷	7.8 ⁹	8.4 ⁵	7.7 ⁴	8.0 ¹	8.6 ¹	8.1 ⁴	7.7 ²	6.7 ¹¹	7.9 ¹⁶	Đ			7.8 ⁴	0 0	K	T	TT	
14	Vũ Thị Lý	HK1	7.7 ⁴	8.6 ⁴	8.7 ³	7.9 ⁶	8.1 ¹	7.2 ¹³	7.6 ¹⁴	7.9 ¹⁰	6.5 ¹⁸	7.6 ¹	9.7 ¹	Đ			8.0 ³	0 0	K	T	TT	
15	Hoàng Văn Nam	HK1	7.4 ⁵	6.1 ³⁰	5.8 ²⁷	6.9 ¹⁸	6.3 ²⁸	6.9 ²¹	7.7 ¹¹	7.1 ²⁶	6.0 ²⁷	6.9 ⁹	9.0 ³	Đ			6.9 ¹⁹	1 0	K	T	TT	
16	Nguyễn Văn Nghĩa	HK1	4.3 ³²	6.9 ²⁴	5.2 ³²	6.2 ²⁵	6.6 ²¹	6.5 ³⁰	6.5 ²⁷	7.1 ²⁶	5.2 ³¹	6.1 ²⁴	8.5 ⁶	Đ			6.3 ³⁰	3 0	Tb	T		
17	Lê Văn Phong	HK1	7.2 ⁶	7.9 ⁹	8.4 ⁴	7.4 ⁸	6.7 ¹⁹	6.5 ³⁰	7.4 ²⁰	7.0 ³⁰	6.2 ²⁴	5.9 ²⁹	8.4 ⁷	Đ			7.2 ¹⁰	0 0	K	T	TT	
18	Nguyễn Thị Phương	HK1	6.3 ¹⁷	7.7 ¹¹	7.5 ¹²	8.7 ²	7.5 ⁶	7.5 ⁷	7.6 ¹⁴	7.5 ¹⁹	6.9 ⁷	7.1 ⁶	8.2 ¹²	Đ			7.5 ⁸	0 0	K	T	TT	
19	Đỗ Ngọc Sơn	HK1	5.3 ³⁰	6.5 ²⁸	6.4 ¹⁹	7.2 ¹²	6.6 ²¹	7.0 ¹⁸	7.9 ⁷	7.4 ²²	6.3 ²⁰	6.6 ¹³	7.9 ¹⁶	Đ			6.8 ²²	0 0	K	T	TT	
20	Trần Đức Thanh	HK1	7.9 ³	8.8 ³	8.2 ⁶	8.7 ²	7.6 ⁵	8.0 ¹	8.6 ¹	8.6 ¹	7.8 ¹	7.4 ²	7.6 ²⁰	Đ			8.1 ²	0 0	G	T	GIOI	
21	Phạm Văn Thành	HK1	5.7 ²⁵	7.7 ¹¹	8.3 ⁵	5.1 ³⁰	7.0 ¹²	7.3 ¹²	7.8 ¹⁰	8.3 ²	6.7 ¹²	7.4 ²	6.6 ³⁰	Đ			7.1 ¹³	0 0	K	K	TT	
22	Tạ Quang Thắng	HK1	6.2 ¹⁹	7.0 ²¹	7.6 ¹¹	5.5 ²⁹	7.0 ¹²	6.6 ²⁹	8.0 ⁶	7.7 ¹⁶	6.9 ⁷	6.5 ¹⁶	7.6 ²⁰	Đ			7.0 ¹⁵	0 0	K	T	TT	
23	Vũ Thị Kim Thoa	HK1	7.1 ⁷	7.1 ¹⁹	7.2 ¹³	5.6 ²⁸	6.8 ¹⁷	7.0 ¹⁸	8.6 ¹	7.8 ¹³	7.0 ⁶	6.3 ²⁰	6.9 ²⁷	Đ			7.0 ¹⁵	0 0	K	T	TT	
24	Vũ Thị Hà Thu	HK1	5.6 ²⁸	6.3 ²⁹	5.8 ²⁷	7.1 ¹⁵	7.0 ¹²	7.5 ⁷	6.9 ²⁴	7.5 ¹⁹	6.3 ²⁰	6.3 ²⁰	6.7 ²⁹	Đ			6.6 ²⁴	0 0	K	T	TT	
25	Bùi Minh Thủy	HK1	6.8 ¹²	6.0 ³¹	6.6 ¹⁸	5.9 ²⁶	6.6 ²¹	7.6 ⁴	7.6 ¹⁴	8.0 ⁸	6.9 ⁷	6.0 ²⁸	8.3 ¹⁰	Đ			6.9 ¹⁹	0 0	K	T	TT	
26	Vũ Đình Toàn	HK1	7.1 ⁷	6.7 ²⁷	5.7 ³⁰	6.6 ²²	6.2 ²⁹	6.9 ²¹	6.6 ²⁶	7.2 ²⁴	5.7 ³⁰	6.1 ²⁴	7.5 ²³	CD			6.6 ²⁴	0 0	Tb	T		
27	Nguyễn Thị Thanh Trang	HK1	6.7 ¹⁴	7.0 ²¹	5.6 ³¹	5.8 ²⁷	7.1 ¹⁰	7.4 ¹⁰	7.7 ¹¹	8.0 ⁸	6.6 ¹⁶	6.6 ¹³	8.1 ¹³	Đ			7.0 ¹⁵	0 0	K	T	TT	
28	Đỗ Thị Trang	HK1	5.8 ²⁴	7.5 ¹⁴	7.7 ¹⁰	7.8 ⁷	8.0 ³	7.5 ⁷	7.5 ¹⁸	7.5 ¹⁹	6.8 ¹¹	6.7 ¹¹	7.1 ²⁵	Đ			7.3 ⁹	2 0	K	T	TT	
29	Vương Thị Thu Trang	HK1	6.2 ¹⁹	7.5 ¹⁴	7.1 ¹⁴	7.4 ⁸	6.9 ¹⁶	7.6 ⁴	7.6 ¹⁴	7.9 ¹⁰	6.6 ¹⁶	6.5 ¹⁶	8.4 ⁷	Đ			7.2 ¹⁰	0 0	K	T	TT	
30	Nguyễn Thị Kiều Trinh	HK1	6.5 ¹⁵	7.3 ¹⁶	7.0 ¹⁶	6.9 ¹⁸	7.1 ¹⁰	7.1 ¹⁴	7.7 ¹¹	7.8 ¹³	6.1 ²⁶	6.1 ²⁴	7.4 ²⁴	CD			7.0 ¹⁵	0 0	Tb	T		
31	Phạm Thanh Vân	HK1	5.5 ²⁹	6.8 ²⁵	6.0 ²³	4.6 ³²	6.6 ²¹	7.0 ¹⁸	6.1 ³⁰	7.1 ²⁶	7.2 ⁵	6.4 ¹⁸	6.5 ³²	Đ			6.3 ³⁰	0 0	Tb	T		
32	Vũ Văn Vương	HK1	6.3 ¹⁷	7.6 ¹³	6.0 ²³	6.4 ²³	7.2 ⁹	7.1 ¹⁴	7.0 ²²	7.6 ¹⁷	6.9 ⁷	5.8 ³⁰	7.7 ¹⁹	Đ			6.9 ¹⁹	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	------	--------	-----	------	-----	------------	------	--------	--------------	------	--------	------	------	--	-----	----------------	------------	--------------	--------------	------------

Số ngày nghỉ có phép: 9
Số ngày nghỉ không phép: 0

Hạnh kiểm:
- Tốt: 26
- Khá: 6
- Trung bình: 0
- Yếu: 0

Học lực:
- Giỏi: 2
- Khá: 22
- Trung bình: 7
- Yếu: 1
- Kém: 0

Danh hiệu:
- Giỏi: 2
- Tiên tiến: 22

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)